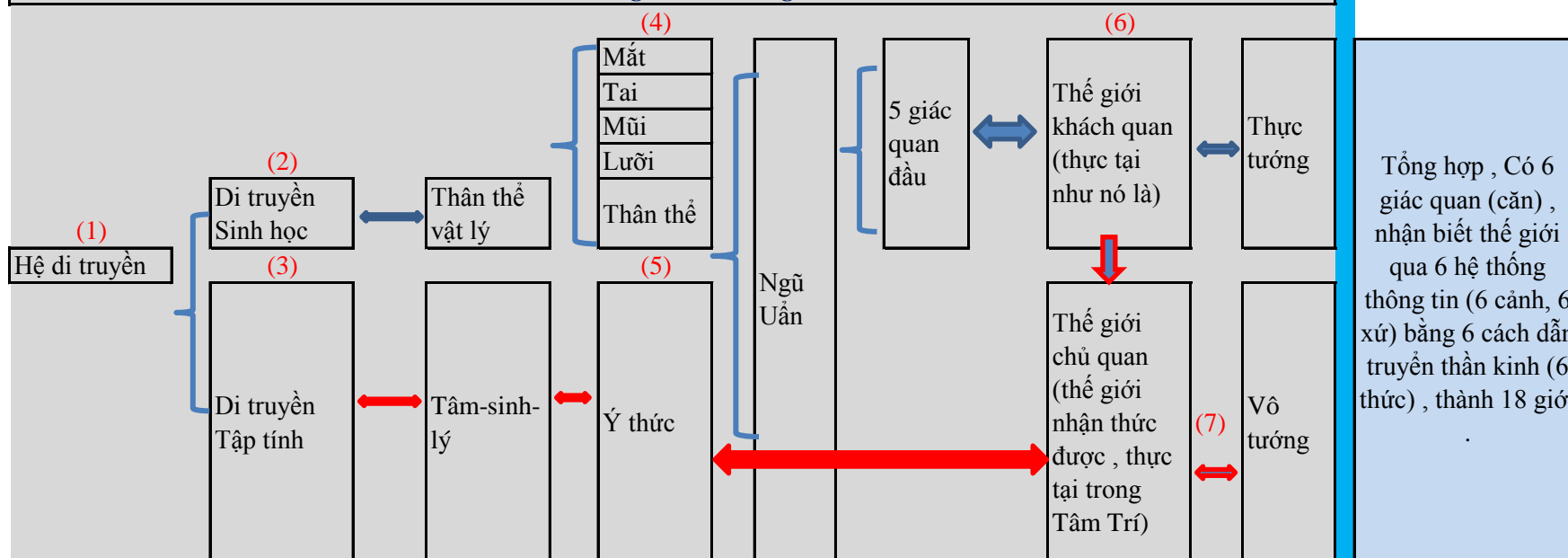


**Tôi & Thế giới của chúng ta**



*Diễn trình Danh - Sắc từ Vô Thi đến Vô Chung ; dòng Hữu phần, Alaya thức, Pháp thân*

*Nghiệp quá khứ*

*Thế giới mà ta nhận thức được , cảm nhận được, chỉ là Ảnh của một Vật Thực, nên "Tam giới duy Tâm; vạn pháp duy Thức" và nó là "Vô Tướng", là "Không" .*

*Tất cả phạm trù này, được giảng giải trong "Thập Như Thị" : Tướng, Tánh, Tác, Thể, Lực, Nhân, Duyên, Quả, Báo đều chỉ là những diễn trình, nên tối hậu chúng như nhau , là MỘT (vô lượng nhĩ).*

*Do vậy, Ngũ uẩn là Thế giới; Thế giới là Ngũ uẩn*

*Tất cả diễn trình này đều do Nhân và Duyên mà sinh diệt , nên nó là Vô Thường , Vô Ngã , Vô Tác, Vô tự tánh , là Không .*

- (1), (2), (3) *Hệ di truyền của loài người chỉ khác với hệ di truyền loài Tinh Tinh có khoảng 1.7% mà thôi . Kinh điển cho rằng, được sinh làm người là đã trải qua vô lượng kiếp luân hồi trong 6 cõi .*
- (4), *Tiền ngũ thức đóng vai trò như bộ lọc và định hướng tiên khởi . Do Sắc Nghiệp quá khứ đi theo (phần Sắc Uẩn) Gọi là tiên khởi, vì có người cận,viễn,loạn thị, mù màu; kẻ thính, lãng tai; kẻ thông minh, người chậm hiểu; người thì mẫn cảm với thời tiết, v.....v.*
- (5), *Ý thức đóng vai trò như bộ xử lý , bộ lọc và định hướng cuối cùng, có tính quyết định . Do Tâm nghiệp quá khứ đi theo (phần 4 Uẩn còn lại) Do đó, "Ý chí tự do" có vai trò quan trọng , và thuật ngữ "Ý chí tự do" này được đồng hoá với thuật ngữ "Chủng tử Phật tính" .*

## TUỶ BÚT

### Tôi và Thế giới chúng ta .

Âm hưởng từ kinh ĐẠI BÁT NIẾT BÀN (Hán Tạng)

Tóm lược về kinh :

#### 1.-Phẩm Tựa .-

- Chúng hội gồm Tứ Thánh và Lục phàm , nghĩa là toàn thể nhân loại .

#### 2.-Phẩm Thuần Đà .-

- Là tên Hán dịch của Cunda , một người thợ sắt . Nhưng trong kinh này , mượn tên để hình tượng hoá cho một *cur sĩ trí tuệ* , đã gặp Đức Phật trong những ngày cuối cùng của Ngài .
- Ý nghĩa mà phẩm này muốn truyền đạt là **“ý niệm”** về Sinh Tử . Nếu là **“vô niệm”** , là **Vô Sinh Bất Diệt** , là vượt qua Sinh Tử , là Niết Bàn .

Tất cả các “hành” , đều Vô-thường , Vì là pháp có sinh diệt (hữu vi)

**Hãy diệt “ý niệm” sinh diệt** . Cái vui tịch diệt Niết Bàn

#### 3.-Phẩm Ai Thân .-

Nói rõ hơn về ý nghĩa của Kệ trên .

- NGÃ , chính thực là nghĩa của PHẬT ↔ • VÔ NGÃ , chính thực là nghĩa của SINH TỬ
- THƯỜNG , chính thực là nghĩa của PHÁP THÂN ↔ • VÔ THƯỜNG , chính thực là nghĩa của THANH VĂN, DUYÊN GIÁC, BỒ TÁT
- LẠC , chính thực là nghĩa của NIẾT BÀN ↔ • KHỔ , chính thực là VÔ MINH
- TỊNH , chính thực là nghĩa của PHÁP ↔ • BÁT TỊNH , chính thực là nghĩa của các PHÁP HỮU VI

Ta nhớ đến tôn chỉ “bất nhị” trong kinh Duy Ma . Tất cả đôi đũa cũng chỉ là **“ý niệm về”** đối tượng , do “Tuồng điên đảo” , “Tâm điên đảo” , “Kiến điên đảo” .

“Người tu pháp quán Vô-thường, Khổ, Không, Vô-ngã, Bất tịnh , nếu không khéo, thì chỉ biết danh tự mà không thể biết thực nghĩa .”

“Nhu Lai nói các pháp Vô Ngã, mà chính thực không phải là Vô-ngã” . Ta nhớ đến một dãy các phủ định trong kinh Kim Cang và Tâm kinh . Chính cái “ý niệm về Ngã” , “ý niệm về Vô-ngã” , và các “ý niệm về” các cứu cánh mới rắc rối cho ta !

#### 4.-Phẩm Trường Thọ .-

- “...Đối với Như Lai, tất cả các pháp, bốn tánh không tịch ...”

Bốn tánh , tự tánh của các pháp là hư không tịch tĩnh , bởi vì nó luôn biến chuyển từng sátna (vô thường) và do vô vận Nhân , Duyên-hệ phối hợp , chẳng phải thực sự là chính nó , mà truyền thống gọi là “vô tự-tính” .

Vả lại, cái quan trọng hơn, lại là “tính chất thức biến của các pháp” , vì thế , “có” hay “không” , “động” hay “tĩnh” là do tâm hành , niệm khởi . Đây cũng là “tính vô ngã” .

Do bốn tánh vô ngã nên “tự tánh của nó” không bị không-thời-gian chi phối , nhưng “hiện tánh của nó” lại hiện hữu trong mọi không-thời-gian mà con người nhận thức được . Đó là ý nghĩa thường trụ .

- “Muốn thực hiện nghiệp nhân trường thọ , Bồ tát phải :
  - Phát tâm Đại Từ, Đại Bi, Đại Xả, hộ niệm tất cả chúng sinh, như thương yêu con ruột của mình
  - Dạy cho tu tập các pháp Ngũ giới, Thập thiện .
  - Những chúng sinh bị khổ trong 3 đường ác, cứu độ cho được thoát ra khỏi đó .
  - Giải thoát cho người chưa giải thoát .
  - Người chưa giác ngộ, dạy cho pháp tu tỉnh thức .

Do tu các nghiệp nhân như thế, nên Bồ Tát được “thọ mạng lâu dài” , trí tuệ tự tại “.....

Xác định “ngiệp nhân” trường thọ , không có cái Danh hay Sắc nào trường thọ cả ! Nếu không, là trái với nguyên lý Vô Thường và tính Vô ngã .

- Cũng do vô ngã tính , nên tất cả các pháp đều có “bình đẳng tính” như : “...*người phá giới, kẻ phạm tội nghịch, người huỷ báng Chánh pháp, kẻ cầm dao hãm hại Phật, ...*” cũng không nên “có tâm phân biệt” đối xử với họ . Cái phân biệt biên kiến chỉ hiện hữu trong “ý niệm về” . Tuy nhiên, về mặt thực tại tục đế , việc giáo hoá chúng sinh ngộ nghịch vẫn phải tiến hành nghiêm khắc trong một *tâm không chút ý niệm phân biệt , một tâm thức hư không tịch tĩnh , đại bi vô lượng , không có “sân tâm , ác tâm ”* .
- Như thế , tâm vô phân biệt , tâm vô niệm , tâm Đại Bi-Trí-Dũng như vậy , là sự chuyển y hoàn mãn Alaya thức , là một Tâm vô lậu , là Chân Tâm vắng lặng rỗng rang , là Như Lai Tạng , là dòng hữu phần thanh tịnh . Và Đức Phật là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác , nên Phật , Tâm Phật - Như Lai , Chân tâm ... nói chung là Giác ngộ tối thượng được đồng hoá với Phật tánh , Như Lai tánh . Giác ngộ thì siêu việt không-thời-gian, siêu việt mọi giác quan , là pháp vô vi siêu việt biên kiến sinh tử , là vô-sinh bất-diệt , do đó , gọi là thường trụ .

### 5.- *Phẩm Kim Cang thân .-*

Phẩm này nối tiếp phẩm trước, nhằm nói lên *tính* thường trụ của Pháp thân . Nhưng nếu có “ý niệm về” Pháp thân thường trụ, thì ắt sinh khởi “tướng” Pháp thân . Đã có “tướng” thì ắt hoại diệt . Nên phẩm này nói đến sự hoại diệt nhằm mục đích phá các chấp về “tướng” trong “ý niệm về” một thực tại huyền ảo .

- “...*thân Như Lai không có tướng đến, tướng đi, tướng ngồi, tướng nằm, tướng co, tướng duỗi....*” Pháp thân này là Vô tướng , là diệt cái “tướng” trong ý niệm , diệt cái “ý niệm về Pháp thân “ .
- “...*Như lai này chẳng phải Thân, mà là Thân . Thân Như Lai chẳng Sinh, chẳng Diệt; chẳng Dơ , chẳng Sạch ; chẳng tăng, chẳng giảm ; chẳng ra, chẳng vào; ....chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi ; chẳng phải nghiệp quả, nhưng không rời nghiệp quả ; chẳng phải ngũ uẩn, không rời ngũ uẩn; chẳng phải thất đại, nhưng không ngoài thất đại ; chẳng phải tâm vương, cũng chẳng phải tâm sở , nhưng không rời tâm vương, tâm sở “*

Ta liên hệ với Tâm kinh :

*“Thị chư pháp Không-tướng : bất sinh, bất diệt; bất cấu, bất tịnh ; bất tăng , bất giảm .*

*Thị cố Không trung Vô Sắc, Vô Thọ, Vô Tướng, Vô Hành, Vô Thức;... “*

- “*Thân Như Lai bình đẳng hiện hữu mọi chốn mọi nơi , mà không trụ ở một chốn nơi nào . Vì thân Như Lai không phải 6 trần ; không phải 6 căn , cũng không phải là không 6 căn ; không phải 6 thức, cũng không xa lìa 6 thức . Thân Như Lai vô-sở-trụ, mà trụ tất cả chỗ ; không tướng mà đủ tất cả tướng trang nghiêm “*

Ta liên hệ với Tâm kinh :

*“Vô nhân, vô nhĩ, vô tỷ, vô thiệt, vô thân, vô ý ; Vô sắc, vô thanh, vô hương, vô vị, vô xúc, vô pháp ; Vô nhân giới, vô thanh giới, vô hương giới, vô vị giới, vô xúc giới, vô ý thức giới ; ....”*

- “*Thân Như Lai không phải không gian, cũng không rời ngoài không gian ; không phải thời gian, cũng không ngoài thời gian . Thân Như Lai là PHÁP THÂN , là BIẾN NHẤT THIẾT XÚ . Thế nên nói Như Lai nhập Niết bàn, kỳ thực Như Lai chẳng nhập Niết bàn . ....”*
- “*Như Lai thị hiện có các sự Khổ (Khổ uẩn) , là vì muốn điều phục các chúng sinh....”*

Ta liên hệ với Tâm kinh :

*“Vô vô-minh, diệt vô vô-minh tận , nãi chí vô lão tử, diệt vô lão tử tận;*

*Vô khổ, vô tập, vô diệt, vô đạo; Vô trí diệt vô đắc.*

Các đoạn trên nhằm mục đích chính là diệt đi “ý niệm” (vọng tâm) phân biệt biên kiến đối đãi ; diệt tận “ý niệm về một Niết Bàn để nhập vào” . Một khi tâm thức đã viên thông đối đãi , thì chính là vượt lên trên vòng biên kiến đối đãi , là sự vô sinh bất hoại . Đó là ý nghĩa của sự bất hoại của Pháp thân .

- “...vì Chánh pháp ....người cư sĩ **không cần thọ trì ngũ giới bằng tâm kiến thủ** tâm thường ...”

Đoạn này mới rắc rối . Giữ Giới kiêu nào cho ....”cao siêu” ?!

Khi đã vượt lên trên **“ý niệm” (tâm) phân biệt biên kiến** , hành giả sống tự tại trong Giới luật , hành giả **giữ giới một cách tự tại trong tuệ giác hoàn mãn** , chứ không phải là không giữ giới .

**Đây là sự trì giới nghiêm mật nhất , trì giới Ba La mật** . Hành giả nào đạt được tuệ giác này là Thanh Tịnh Tăng .

Nếu **chấp thủ “tướng”** Giới luật mà thiếu tuệ giác , cũng chỉ là hàng Ngu si tăng – kinh nói . Ở đây, là sự chỉ trích **những người không theo đúng Chánh pháp Phật** , những Tăng giả hiệu , như kinh điển đã ví von con lừa theo sau đàn bò vậy . Bởi vì, ngu si (vô minh) là không hiểu về Tứ Đế, Duyên Khởi .

Theo kinh điển, đầu tiên là sự chấp trì Giới Luật, nhằm thực hiện tính kỳ luật nội và ngoại giới. Đây là sự trưởng dưỡng “đức tin” (Tín căn, quyền, lực). Từ “tự” và “tha” phân biệt, dần dần “Tự” và “Tha” thâm nhập lẫn nhau. cuối cùng tiến đến Chánh Tín. Vấn đề là sự thực hiện Văn, Tư, Tu cho đúng pháp môn mà thôi. Đây cũng là một trong những phương pháp hành trì Tịnh Độ.

Đoạn văn này rất dễ bị hiểu lầm hoặc/và bị lợi dụng để mê hoặc quần chúng, và là chỗ dựa của những kẻ Vô minh và hàng Phạm-giới Tạp-tăng.

**6.-Phẩm Danh tự công đức** : nói về công đức của sự học hiểu ý nghĩa kinh .

**7.-Phẩm Tứ tướng** : nói về các tướng : Tự Chánh : như là Chánh Tín ; Chánh tha : như là gieo Chánh tín cho người ; Quyền trí ; và Liễu nghĩa Nhân duyên .

Trong phẩm này , có đoạn văn quan trọng , làm tiền đề cho sự phát triển giáo nghĩa Giải thoát :

“...Dứt phiền não không còn gọi là vật , vì đã rớt ráo vắng lặng thanh tịnh . Tánh vắng lặng thanh tịnh không gì làm biến hoại được, nên gọi là thường .

“ Đã là Niết bàn, đương nhiên rời các cõi hữu lậu . Tánh vô lậu của Niết bàn không gì làm tiêu hoại được, nên gọi là thường “

“Giải thoát có nghĩa là cởi bỏ, là viễn ly . Cởi bỏ, viễn ly tất cả mọi ràng buộc ở nội tâm, ở ngoại thân. Viễn ly cả sự hoà hợp, sự phát sinh . Viễn ly và cởi bỏ như thế là Chân-Giải-Thoát “

“Giải thoát còn có nghĩa là Không-Hoà-Hợp (bất-hoà-hợp) và Không-Sinh (Vô-sinh) . ....

Vì Vô-sinh nên bất diệt ....không già , không chết (vô lão tử) , không hư hoại ....

Lại giải thoát là không ưu sầu (vô ưu) ...không lo sợ (vô quái ngại) ....

Giải thoát là không có tạp tướng (vọng tướng) ....tánh giải thoát là thanh tịnh ....

...giải thoát là đoạn diệt hết ham muốn (dục ái) , các hệ phược ; đoạn hết các phiền não sinh tử , nhân duyên quả báo trong tam giới ...”

Chân giải thoát , tức Như Lai . Tánh Như Lai tức tánh Giải thoát .

“Như Lai không động chuyển (bất động) bởi ngoại duyên, không có cái gọi là diệt tận . Dứt hết các Thọ, gọi đó là sự Vui không Thọ . Sự vui không thọ như vậy, là sự vui thường trụ ....”

Rớt ráo an vui , chính là Niết bàn ; Niết bàn , tức là Chân-giải thoát ; Chân-giải thoát , tức là Như Lai; Như Lai là Pháp thân thường trụ .

**8.- Phẩm Tứ Y :**

1. Y Pháp , bất y Nhân
2. Y Nghĩa, bất y Ngự
3. Y Trí , bất y Thức

4. Y kinh Liễu Nghĩa , bất y kinh Bất-liễu Nghĩa

**9.- Phẩm Tà – Chánh** : nói về vấn đề Tà và Chánh , theo phân biệt giới . Với tâm Vô-phân-biệt , thì nhận định Tà Chánh theo Trung Đạo , viên thông biên kiến .

**10.- Phẩm Tứ Thánh Đế** : giảng giải về bản thể của Tứ Đế , theo nguyên lý Bất-nhị , Trung đạo .

**11.- Phẩm Tứ Diên đảo** : giảng về Thường, Lạc, Ngã, Tịnh so với Vô thường, Khổ, Vô Ngã, và Bất tịnh . Vẫn theo nguyên lý bất-nhị , trung đạo .

**12.- Phẩm Như Lai Tánh :**

“Ngã đồng nghĩa với Như Lai Tàng . Như Lai Tàng đồng nghĩa với Phật Tánh . Tất cả chúng sinh đều có Phật Tánh ấy “.

“Ngã hay Phật Tánh là cái vốn có của chúng sinh ....Tất cả chúng sinh chẳng nhận thấy được....”  
 Nay Như Lai chỉ bày Phật Tánh sẵn có của tất cả chúng sinh đang bị phiền não vô minh che lấp.....  
 Đoạn kinh văn này giảng giải rất rõ ràng về Phật tính , Như Lai Tàng , đó là các khái niệm chung từ Phật (tâm tịnh hảo) trong Tàng thức (Alaya) ; mà tàng thức cũng là dòng hữu phần (bhavanga) từ vô thi .

Như Lai dạy tu quán niệm pháp vô ngã . Nhờ quán niệm pháp vô ngã mà dứt được ý niệm chấp ngã , nên thọ dụng được Niết bàn .

Nhằm dứt bỏ những vọng kiến thế gian, Như Lai dạy pháp xuất thế gian . Chỉ rõ quan niệm chấp ngã của người đời là hư vọng, không chân thực ...”

Như Lai vì muốn dạy tư duy quán niệm tánh “không” của vạn pháp , nên nói các pháp Vô-ngã ....”

Hôm nay , Như Lai chỉ dạy Như Lai Tàng (Ngã đồng nghĩa Như Lai tàng) , các Tỳ Kheo chớ có lòng kinh nghi sợ sệt , mà nên phân biệt rõ Như Lai Tàng là sự thật . Đó là tánh Chân-Ngã, Chân-Tịnh, Chân-Thường, Chân-Lạc của vạn pháp”

“...Này Ca Diếp, Ngã và Vô Ngã ; Tánh và Tướng , không có hai thứ ...”

Nếu có “ngã” , có “Như Lai Tàng” , là chấp “thường” . Nếu “vô ngã” , là chấp “đoạn” .

Không “Ngã” , làm sao có “vô ngã” ; Không “thường” , làm sao có “vô thường” ; .....

Đây là lý luận của pháp môn bất nhị , để đưa vào Trung đạo , đạt được viên thông của đôi đũa biên kiến, nối tiếp tư tưởng Như Lai thường trụ .

**13.-Phẩm Văn tự :** nói lên sự giới hạn của văn tự , ngữ ngôn . Vì văn tự , ngữ ngôn thuộc về biên kiến.

**14.- Phẩm Diệu dụ :** nói lên nguyên lý bất nhị qua ví dụ cặp chim Uyên Ương .

**15.-Phẩm Nguyệt dụ :** nói lên Pháp thân thường trụ , Chân như tuyệt đối tánh thường trụ như mặt trăng luôn tròn , còn nhân loại nhìn thấy khi tròn khi khuyết là do vị trí .

**16.- Phẩm Bồ Tát :** nói lên quan niệm đa thân Phật , và Pháp thân thường trụ qua tánh Không .

...nên tu tập pháp “quán Không” .....giải thoát đích thực là vượt ra ngoài 25 cõi . Do nghĩa này , nên “không” còn gọi là “bất động” . Vì tướng giải thoát không có Khổ, không có Vô Thường , Vô Ngã ...  
 “Không” ở đây , chính là không sắc, không thanh, không hương , không vị, không xúc . Vì vậy , giải thoát tức “Không” ; “Không” tức giải thoát .

Cho nên, giải thoát còn gọi là Thường trụ , Thanh lương , Bất biến . ... “

**17.- Phẩm Đại chúng sở vấn :** Mượn cư sĩ Cunda thay cho đại chúng để hỏi Phật về các pháp môn xưa nay, để nói lên sự phát triển của giáo nghĩa , theo nguyên lý Bất nhị, Bình đẳng tính .

**18.- Phẩm Hiện bệnh :** mượn bệnh của Đức Phật để nói lên Như Lai tính là vô bệnh (như Duy Ma Cật hiện bệnh) , đồng thời nói lên cái bệnh chấp các sở đắc , cho rằng có chứng và có đắc .

**19.- Phẩm Thánh hạnh :** nói về Thánh hạnh của Bồ Tát , trên cơ sở Tuệ giác . Vì sự lợi dụng phẩm này , nên mới nảy sinh hạng Phạm giới Tạp tăng . Nội dung chính phẩm này là nói về Tứ Đế , trên nguyên lý bất nhị , viên dung vô ngại , một chứa tất cả và tất cả phản ánh trong một :

“Đại Bồ Tát đối với 8 điều khổ, hiểu rõ là khổ, nên không bị khổ “ .

“Các vị Bồ Tát hiểu khổ, không có thật khổ . Bồ tát có Chân đế “

Các vị Bồ tát hiểu Tập, không thật có Tập . Bồ Tát có Chân đế

**Diệt** có nghĩa là hoàn toàn dứt trừ các phiền não . Dứt trừ hoàn toàn các phiền não là Tịch Diệt . Thế Tịch diệt ấy là Thường .

Do phiền não diệt mà thọ dụng an vui , ấy là Lạc .

Thọ dụng Lạc, nên không còn mong vọng , ấy là Tịnh

Tịnh , nên không còn qua lại chón luân hồi , nên đích thực là Ngã .

**Đạo** , chỉ có một , không hai ; vì chúng sinh mà phân biệt diễn nói, thành ra có sai biệt .

Phẩm này tóm lại qua bài kệ : “Các hành pháp vô thường , Vì là pháp sinh diệt”

“ Diệt **ý niệm** sinh diệt , Được cái vui tịch diệt “

**20.- Phẩm Phạm hạnh :** Phạm hạnh của một Bồ Tát là :

- Biết Pháp : biết rõ 12 bộ kinh
- Biết Nghĩa : biết nghĩa chứa đựng bên trong văn tự
- Biết Thời : lúc nào tu tập cách nào , đọc tụng kinh nào , nhiếp thân khẩu ý theo thời .
- Biết đủ : tri túc thiểu dục
- Biết mình , biết người
- Có Tứ Vô Lượng tâm bình đẳng tính
- Sống trong “không tánh” bình đẳng :
  - Nội không, ngoại không, nội ngoại không
  - Hữu vi không, Vô vi không
  - Vô thủ không, Tánh không
  - Vô sở hữu không, Không không
  - Đệ nhất nghĩa không, Đại không .
- Trì giữ và tu tập miên mật Giới – Định – Tuệ , trong đó , Tuệ là đỉnh cao của 3 vô lậu học . Vô sở đắc là tuệ giác , hữu sở đắc là vô minh .
- Liễu tri vạn pháp là tương tức, tương nhập : Bồ đề, Niết bàn, Đạo và Tâm chúng sinh là không hai , chẳng một .
- Biết rõ về 6 trường phái triết học lúc bấy giờ ; dùng Tàm và Quý để phê bình các trường phái ấy.
- Viên dung , viên thông mọi đối đãi biên kiến ; vô chấp các biên kiến ; các phạm trù Thiện, Ác có tính vô thường ; thấy được thực tướng của các pháp : “*Thực tánh vô minh, là Phật tánh*” .

**21.- Phẩm Anh nhi hạnh :** mượn hình tượng đứa bé mới sinh , để nói lên Trạng thái . Đây là một trạng thái vô tư lự tuyệt đối (chưa bị huân tập gì) , trạng thái không bị 5 uẩn chi phối , trạng thái không có cảm xúc phân biệt (khổ vui) , trạng thái không thể tạo tác gì (vô nghiệp) , và nhất là trạng thái tâm lý không phân biệt , không có bất kỳ “kiến thủ, kiến chấp” nào .

Mượn ví dụ này để giải thích về các sai biệt pháp :

“...*Như Lai biết rõ chúng sinh tướng, nhưng thật ra không có tướng chúng sinh ...*”

“...*Như Lai nói có chúng sinh, những người đối với chúng sinh, tướng là chúng sinh, thì không thể phá tướng chúng sinh*” ... Đây là sự hình thành khái niệm, ý niệm (vọng tướng, vọng niệm) và sự kiên cố của ý niệm trong tâm thức , cấu tạo thành một cái “tự ngã” .

**22.- Phẩm Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương Bồ Tát :** đây nói về công đức, thành tựu của việc hiểu và chấp tri kinh :

- 5 công đức chính : thực ra , là sự lập lại , sự khẳng định tính đúng đắn của kinh
- Khẳng định thực tướng các pháp là : Không , Vô tướng , Vô tác . Nhắc lại nguyên lý bất nhị và cũng là trung đạo : “*Năng, Sở song vong*” ; và tính vô thường của vạn pháp .
- Khẳng định thêm tính Không , Vô Tướng, Vô Nguyên của Niết bàn .
- Khẳng định tính Vô Ngã của các pháp : “*tất cả các pháp đều không có tự tính*” ; “*các pháp chẳng phải có, cũng chẳng phải không*”  
 “*Từ Nhân-Duyên, mà Tâm trở thành Tham-kết và Hệ-phược .*  
*Cũng từ Nhân-Duyên, mà Tâm trở thành Thanh tịnh được Niết Bàn .*  
*Vì vậy, Tâm không thể nói quyết định và Nhân-Duyên cũng không thể nói quyết định ; cho đến Pháp tánh, Phật tánh cũng không thể nói quyết định* “

**23.- Phẩm Sư Tử hống Bồ Tát :** để đoạn diệt Nghi hoặc cho hành giả thọ trì kinh này .

- Khẳng định : “*Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh . Như Lai thường trụ bất biết như như*”
- “*Phật tánh cũng gọi là :Đệ Nhất Nghĩa Không, cũng gọi là Trí Tuệ (Phật Trí) . Đệ nhất nghĩa không, có nghĩa là “không” mà “chẳng phải không” ; Vô ngã mà Ngã, Ngã mà Vô ngã ; Vô thường mà Thường, Thường mà Vô thường ; Vô lạc mà Lạc, Lạc mà Vô lạc ; Tịnh mà Bất tịnh*

, Bất tịnh mà Tịnh . Thấy được chân lý này , là thấy được Đệ nhất nghĩa Không , thấy lý Trung đạo , thấy Niết bàn, thấy Phật tánh ....”

Nói chung , phẩm cuối cùng này khẳng định nguyên lý bất nhị của vạn pháp ; tính tương tức, tương viên của các pháp , Tam giới duy Thức, vạn pháp duy Tâm ; tính Vô sinh bất diệt của vạn pháp , là Pháp thân thường trụ ; và là sự diễn dịch mới mẻ của các khái niệm Vô thường , Khổ, Không, và Vô Ngã tính của vạn pháp .

\*

\*

\*

**Tuỳ bút :** nếu dùng một cái thùng , nhất tất cả cái gọi là “đạo đức” của tất cả mọi dân tộc trên trái đất từ xưa đến nay . Rồi so sánh với những cái mà các dân tộc này gọi là “vô-đạo-đức” , và lấy bỏ trở ra ngoài thùng . Đến cuối cùng , thì còn lại cái thùng rỗng !

Cũng làm như thế, với các “hệ thống các bậc thang giá trị xã hội” ; các phạm trù “đúng, sai” của toàn thể loài người từ lúc xuất hiện đến nay , thì kết quả cũng tương tự .

Khái niệm “chủng tử - bija” trong Tầng thức (hay Tâm hữu phần – bhavanga-citta) cũng giống như vậy . Khi cái thùng rỗng không , có phải là “viên dung , viên thông” giữa “thị” và “phi” ? Là Chân tâm, Như như, Đại viên cảnh trí ..., và dòng hữu phần trở về thanh tịnh ? .

Như vậy , các cặp phạm trù trên phải quán chiếu lại trên tinh thần Bất-nhị , tư tưởng Trung đạo đệ nhất nghĩa để , là viên thông các biên kiến . Là “không” tính ??.

**A.-** Thật ra, con người bị chi phối , vì dính mắc (\*) không thể gỡ ra , bởi 2 cái :

1. Cái “ngã” câu sinh . Khoa học gọi là Sinh thể , và Bản năng sinh tồn . Kinh điển gọi cái “ngã” (Sinh thể) là cái “y báo” và gọi “Bản năng” này là “Khuyh hướng Ái” .
2. Cái “kiến , kiến hoặc , thân kiến” . Khoa học gọi là Di truyền Tập tính và Học tập (qua Kinh nghiệm trải nghiệm tích tập) . Phần tập tính, kinh điển gọi là nghiệp quá khứ ; còn môi trường để trải nghiệm học tập (Sinh môi) , gọi là Chánh báo ; và sự học tập trải nghiệm là “huân tập” , “nhiễm ô” . Sự tích tập một cách **tự động** (bởi sự tương tác) các loại “kiến” trong Chánh báo này , kinh điển gọi là “khuyh hướng Tà kiến” .

(\*) Dính mắc ở đây được dùng với nghĩa như là tay chân dính liền với thân thể . Tay chân không phải là thân thể , nhưng thân thể phải có tay chân . Không phải là **bám Tuýển, bám víu** .

Gọi là “câu sinh ngã chấp” vì khuyh hướng tự-đồng-hoá một cách tự-động cái {“thân xác cụ thể” & “kiến tích lũy”} với một cái “tôi mơ hồ” , thành một hiện trạng “tồn tại, hiện tồn” (Tôi suy tư, tôi tồn tại) .

**B.-** Những Phản ứng hay Ứng xử (hành vi – kamma , karma) đưa đến sự tích tập , thuộc về hai dính mắc này bao gồm :

- Thuận chiều : là khai triển trên 2 cơ sở đó ; phát triển trên 2 nền tảng đó ; phóng chiếu dựa trên các trải nghiệm đó và vượt ve , cung phụng làm giàu thêm , làm kiên cố thêm cho cái “kiến” hoặc/và cái “ngã”;
- Nghịch chiều , là bảo vệ hai cái này chống lại sự huỷ hoại hay vi phạm đến hai cái này .

Thực ra , cái bản năng sinh tồn của sinh thể và chính cái sinh thể ấy , là sự dính mắc nội tại . Sinh thể và Bản năng sinh tồn không phải là 2, cũng không phải là một . Nếu không dính mắc giữa Sinh thể và Bản năng sinh tồn, thì làm gì có sinh vật nào tồn tại trên hành tinh này ?

Cái “bản năng sinh tồn” và “sinh thể” ( cái ngã) luôn bảo vệ cái “kiến” ; và cái “kiến” cũng luôn bảo vệ và trường dưỡng cái sinh thể này . Chúng là một tập hợp hoàn hảo .

Cái tập hợp {bản năng & sinh thể} và Sinh môi , là sự dính mắc ngoại tại , nếu nhìn từ sinh thể ; và là nội tại, nếu nhìn từ Sinh môi . Sinh thể và Sinh môi không phải là 2 mà cũng không là một ! Sự tương tác qua lại (huân tập) giữa sinh thể và sinh môi cũng không thể nào ngưng dứt được ! Nếu không dính mắc vào Tập tính di truyền, thì làm gì có sự tiến hoá đến đa dạng sinh học trên hành tinh này ?

Các dính mắc này là phần tất yếu của sự sống ; ngược lại sự sống tất yếu phải sinh khởi từ các dính mắc này .

“Địa lý, địa lý sinh học đã nhào nặn nên cuộc sống loài người thậm chí còn sâu sắc hơn trong hàng trăm ngàn năm . Bởi vì sau 7 triệu năm tồn tại của loài người, nền văn minh đột nhiên xuất hiện chỉ ở một vài nơi nhanh hơn rất nhiều các nơi khác , thậm chí đến ngày nay , vẫn còn những bộ lạc săn bắt hái lượm “ . (Loài Tinh tinh thứ Ba – The third Chimpanzee – Jared Diamond ) .

Các cặp phạm trù này tương tác qua lại, và không tách rời được , là 2 mặt của một thực tại . Y báo và Chánh báo không phải là 2 , nhưng không phải là một . Con người không thể sinh ra tại một chỗ không có không-thời-gian .

Từ các phản ứng hay ứng xử trên , sinh ra 2 nhóm tính chất hành vi chủ yếu , gọi là **Tham** , khi thuận chiều ; và **Sân** , khi nghịch chiều .

3. Bị dính mắc mà không biết và không gỡ ra được, bị trôi dạt chìm đắm theo các phản ứng, ứng xử, gọi là **Si** , **Vô Minh** .

**C.- Bản chất của các trạng thái ứng xử tinh thần thuộc về các dính mắc này , có thể so sánh với Tâm Vương .**

Dựa trên các bản chất này , các hiện tượng ứng xử biểu hiện các trạng thái tâm lý thuộc về các dính mắc này , có thể so sánh với **Tâm sở** .

Các tâm Thiện , là các trạng thái ứng xử một cách hiểu biết thực sự , hiểu biết một cách sâu sắc về các dính mắc này (**Khổ đế**) . Hiểu biết là hiểu biết thực sự về :

- Nguyên nhân (tập nhân) hình thành ; Điều kiện (duyên hệ) cần và đủ để chúng trở thành dính mắc (**Tập Đế**) .
- Nguyên tắc để thoát khỏi sự chi phối của các dính mắc do những nguyên nhân và điều kiện đã nói trên (**Diệt Đế**) ;
- Hoặc/và Nguyên tắc tạo lập (tạo tác ) các nguyên nhân và điều kiện khác , để thay thế và tiến đến việc thoát khỏi hoàn toàn sự chi phối của những dính mắc này (**Đạo Đế**) .

Nói chung , dính mắc là dính mắc ; còn vấn đề bị chi phối hay thoát khỏi sự chi phối của dính mắc là kết quả của việc tu tập (mà sự tu tập, chẳng qua là sự huân tập mà thôi , cũng là một cách ứng xử ) .

Như những hình ảnh đơn độc liên tục xuất hiện qua mắt ta trên màn ảnh của một rạp chiếu phim , chúng tạo ra một trạng thái tích hợp , trạng thái lũy tích ghi nhận vào vùng nhớ trong não bộ ta , làm cho ta nhận biết cái thế giới hiện hữu trên màn ảnh .

Những cảnh trần đơn chiếc liên tục xuất hiện qua các giác quan của ta trong từng sátna tâm , chúng tạo nên trạng thái lũy tích trong toàn bộ các vùng nhớ liên quan toàn diện đến mọi giác quan và nhận thức , đó là thế giới của ta .

Mỗi sátna tâm sinh liền diệt ngay , mỗi cảnh trần xuất hiện xong liền diệt đi , cảnh đã diệt chỉ còn tồn tại trong vùng nhớ (Trường Uẩn) . Cái thế giới của ta là hư huyền , cái thế giới thực sự được xem như là hiện hữu , chỉ tồn tại trong 1 sátna tâm mà thôi .

Nếu một hành giả có thực tập điều luyện Chánh niệm Tinh thức, thì sự nhận biết như thực cái trạng thái “hiện tồn” này , và thay vì bị chi phối qua những phản ứng mù quáng , thì hành giả phản ứng với sự hiểu biết và Tinh thức , thì đây chính là trạng thái Vô Ngã (mà là Ngã) , và Vô trước (trong vòng vây kiến thức tích tập) . Do đó, Vô Ngã và Vô trước là trạng thái tinh thần tâm linh hoàn hảo .

Có phải vì thế mà trước câu hỏi : “Vô Ngã, thì ai tu ? ai chứng đắc ? ai Thiên ? ai Chánh niệm Tinh thức ? ; Niết bàn là Không ? Không có Niết bàn ?” . Các hành giả thường im lặng .

Đức Phật cũng im lặng . Duy Ma Cật cũng im lặng .

Như thế , phải chăng hiểu biết thực sự về Từ Đế (thực chứng Từ Đế) , là thực chứng được tính Vô thường, Khổ, Vô Ngã và Không tính rồi ???

Bởi vì, thực chứng Từ Đế cũng là thực chứng nguyên lý Nhân và Duyên hệ rồi .



**D.-** Sự hiểu biết sâu sắc nhất đến tận cùng của Nhân và Duyên , gọi là Tuệ giải thoát ; là sự tự do, tự tại, viên dung hoàn hảo trong những ràng buộc của Nhân và Duyên , được gọi là Viên giác, là “giải thoát tri kiến”.

Ngược lại, trạng thái để cho bị dính mắc, bị chi phối mà không biết, không gỡ ra được, được gọi là các tâm Bất Thiện, là Vô Minh.

Có lẽ chính vì sự quan trọng sinh tử này của nguyên lý Tứ Đế, mà Đức Phật trước lúc lâm chung, đã 3 lần nhắc hỏi, có Tỳ kheo nào còn thắc mắc hoài nghi bất kỳ chỗ nào đối với 4 chân lý này, thì hỏi ngay đi, kẻo không kịp. Và các Tỳ kheo đã xác nhận 4 chân lý này là sự thật không thể khác được. Như vậy, “Khổ” là điểm xuất phát của Phật giáo; cứu cánh của Phật giáo là Viên Giác; và phương tiện của Phật giáo là “Khổ Tập Diệt Đạo”.

“Thiện” và “Bất Thiện” ở đây hàm 2 nghĩa :

- Về mặt hiện tượng, tục đế : là hệ thống đạo đức và vô-đạo-đức (kiến) tại Chánh báo, mà Y báo đó buộc phải làm theo hoặc không được làm. Thế tục gọi là phong tục, tập quán, luân lý, luật lệ ...
- Về bản thể : là tự do (không bị chi phối – giải thoát) và “bị trói buộc” (bị chi phối – vô minh).

Cho nên, dùng Tâm Tịnh Hảo thay cho Tâm Thiện và Tâm Vô Tịnh Hảo thay cho tâm Bất Thiện là hợp lý.

**E.-** Cụ thể ra, cái làm nên cuộc đời của chúng ta được gom thành 2 quãng nhóm :

a).- Khố Nhân-Duyên từ vô thủy, bao gồm cái gọi là Nghiệp từ vô thủy quá khứ của chúng ta, mà trong di truyền học ngày nay gọi là di truyền chủng loài (hoá-sinh-vật-lý) và di truyền tập tính (tâm-sinh vật-lý). Con người khi sinh ra cõi đời, như một mũi tên đã rời khỏi cây cung, nó chỉ có một mục đích duy nhất : tiêu điểm đến. Đó là cái “khuy nh hướng” mà giáo lý gọi là “hành nghiệp” đang vận hành.

b).- Khố Nhân Duyên hiện tại : Trên con đường đến đích, mũi tên cuộc đời thu nhặt mọi cái mà nó bắt gặp trên đường đi, theo chính cái “khuy nh hướng” sẵn có. Nó chất chứa và làm đầy ngập cái hành trang và tiếp tục kiên cố hoá con đường mà nó đi; chúng ta đặt tên là “gia tốc”, giáo lý gọi là “huân tập”. Khi đến đích, với gia tốc mãnh liệt (nghiệp lực), nó xuyên phá tấm bia của kiếp hiện tại và lao về kiếp tương lai với gia tốc và khuy nh hướng sẵn có. Giáo lý gọi là “tục sinh”.

Gọi là Nhân-Duyên từ vô thủy cho cái “ngã câu sinh” (bản năng di truyền), thực ra không thể nói là Nhân và Duyên, vì trùng trùng nhân và duyên, không có điểm khởi đầu. Kể cả khoa học cũng chỉ gọi là “sự tiến hoá”, cũng không có điểm khởi đầu của tiến hoá.

Cũng như vậy, cũng không thể gọi là Nhân-Duyên hiện tại cho cái Chánh báo, vì nó đã được tạo thành do trùng trùng cái Y báo quá khứ.

Nhưng mà, vẫn phải gọi là Nhân-Duyên, mà thực sự không có Nhân – Duyên đầu tiên. Nó cứ thế mà tiến hoá, nghĩ suy, lý luận gì, thì nó vẫn cứ tiến hoá như thế. Vậy, có phải là “vô thường”, “vô ngã”, “vô tướng”, “vô tác”, là “không” mà chẳng phải “không” chăng? (Hình vẽ minh hoạ).

Và “tự do là ung dung trong ràng buộc; và hạnh phúc là tự tại trong khổ đau” (TT Viên Minh), có phải là hành giả sống với một tâm thức viên thông, dung thông các biên?; sống một cuộc sống tùy thuận, tùy hỷ trong trí tuệ, không chút gì dính mắc, mắc mưu giữa các biên kiến và giữa “tự-tha”? Do vậy, sống ở nơi nào cũng được, lúc nào cũng xong. Gọi là ung dung tự tại trong mọi không-thời-gian, trong mọi trạng thái tâm thức, mà kinh điển gọi là vượt sinh tử? Vượt sinh tử là thường trụ???

Nỗi lòng biết ngộ cùng ai !

January 26, 2008,

Tâm Nhẫn